

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về kiểm toán
báo cáo quyết toán dự án hoàn thành***Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;**Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 - Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.**Điều 2.** Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 1 Thông tư này.**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015.

Đối với các hợp đồng kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện trước ngày 01/7/2015 mà đến ngày 01/7/2015 trở đi mới phát hành báo cáo kiểm toán thì phải áp dụng Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ban hành theo Thông tư này.

Chuẩn mực kiểm toán số 1000 “*Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành*” ban hành theo Quyết định số 03/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.**KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Trần Xuân Hà**

HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 **Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành** (Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng

01. Chuẩn mực này quy định và hướng dẫn trách nhiệm của *kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán* (sau đây gọi là “*kiểm toán viên*”) khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước. Việc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn khác được vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn tại Chuẩn mực này.

Chuẩn mực này áp dụng cho kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, gồm: dự án đầu tư xây dựng công trình, hạng mục công trình, dự án quy hoạch và dự án đầu tư khác (xem hướng dẫn tại đoạn A1 Chuẩn mực này).

Mục đích của kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

02. Mục đích của kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là làm tăng độ tin cậy của người sử dụng đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và là cơ sở để người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, thông qua việc kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán đưa ra ý kiến, xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán dự án tại thời điểm lập báo cáo, có phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hay không.

Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán

03. Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành là:

(a) Đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Từ đó giúp kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành có được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên các khía cạnh trọng yếu hay không;

(b) Lập báo cáo kiểm toán về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và trao đổi thông tin theo quy định của Chuẩn mực này và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan, phù hợp với các phát hiện của kiểm toán viên.

Trường hợp không thể đạt được sự đảm bảo hợp lý và ý kiến kiểm toán dạng ngoại trừ là chưa đủ để cung cấp thông tin cho người sử dụng báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự kiến thì kiểm toán viên phải từ chối đưa ra ý kiến hoặc rút khỏi cuộc kiểm toán theo pháp luật và các quy định có liên quan.

04. Kiểm toán viên, các thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ những quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan cũng như các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng trong quá trình thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Đơn vị được kiểm toán (chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư) và các bên sử dụng kết quả kiểm toán phải có những hiểu biết cần thiết về các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực này và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan để thực hiện trách nhiệm của mình và phối hợp công việc với doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên, cũng như khi xử lý các mối quan hệ liên quan đến thông tin đã được kiểm toán.

Giải thích thuật ngữ

05. Trong Chuẩn mực này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

(a) *Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành*: Là báo cáo được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư lập theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án hoàn thành, phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính và các thông tin quan trọng khác trong quá trình đầu tư và thực hiện dự án;

(b) *Chủ đầu tư*: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư;

(c) *Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán*: Là người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các doanh nghiệp được phép phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Nhà nước tại thời điểm phê duyệt quyết toán. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có thể là một cá nhân khi dự án hoàn thành thuộc sở hữu của cá nhân đó;

(d) *Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành*: Là toàn bộ các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến việc đầu tư và quyết toán dự án, bao gồm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành mà đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm chuẩn bị để phục vụ cho việc quyết toán dự án theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án hoàn thành;

(e) *Kiểm toán viên*: Là những người thực hiện cuộc kiểm toán, gồm thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề, kỹ thuật viên và các thành viên khác trong nhóm kiểm toán. Trong Chuẩn mực này,

hầu hết các trường hợp, khi sử dụng thuật ngữ “kiểm toán viên” đã bao gồm thuật ngữ “kỹ thuật viên” và “doanh nghiệp kiểm toán”. Khi cần nhấn mạnh trách nhiệm thì nói rõ “kiểm toán viên”, “kỹ thuật viên” hoặc “doanh nghiệp kiểm toán”;

(f) *Kỹ thuật viên*: Là các cá nhân làm việc cho doanh nghiệp kiểm toán, có kỹ năng, kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn về kinh tế, kỹ thuật xây dựng... có thể hỗ trợ kiểm toán viên trong việc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

(g) *Hồ sơ kiểm toán*: Là tập hợp các tài liệu kiểm toán do kiểm toán viên lập, thu thập, phân loại, sử dụng và lưu trữ theo trật tự nhất định theo hướng dẫn của Chuẩn mực này làm bằng chứng cho một cuộc kiểm toán cụ thể. Tài liệu trong hồ sơ kiểm toán được thể hiện trên giấy, trên phim ảnh, trên phương tiện tin học hay bất kỳ phương tiện lưu trữ nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

(h) *Kế hoạch kiểm toán*: Là tài liệu xác định các thông tin về khách hàng, phạm vi, nội dung công việc, thời gian thực hiện và phương pháp tiếp cận kiểm toán để đạt được mục tiêu của cuộc kiểm toán;

(i) *Chương trình kiểm toán*: Là tài liệu chi tiết về mục tiêu và các thủ tục cần thực hiện đối với từng phần hành kiểm toán do kiểm toán viên lập;

(j) *Bảng chứng kiểm toán*: Là tất cả các tài liệu, thông tin do kiểm toán viên thu thập được liên quan đến cuộc kiểm toán và dựa trên các tài liệu, thông tin này, kiểm toán viên đưa ra kết luận và từ đó hình thành ý kiến kiểm toán.

II. NỘI DUNG CHUẨN MỰC

Yêu cầu

06. Các yêu cầu đối với một cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, gồm:

(a) Kiểm toán viên phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước;

(b) Kiểm toán viên phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, bao gồm cả tính độc lập có liên quan đến kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (xem hướng dẫn tại đoạn A2 - A3 Chuẩn mực này);

(c) Kiểm toán viên phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán với thái độ hoài nghi nghề nghiệp để nhận biết các trường hợp có thể dẫn đến việc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành có sai sót trọng yếu;

(d) Kiểm toán viên phải thực hiện các xét đoán chuyên môn trong suốt quá trình lập kế hoạch kiểm toán và tiến hành cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

(e) Nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý, kiểm toán viên phải thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm giảm rủi ro kiểm toán xuống một mức thấp có thể chấp nhận được, từ đó cho phép kiểm toán viên đưa ra kết luận phù hợp làm cơ sở cho việc hình thành ý kiến kiểm toán;

(f) Kiểm toán viên phải tuân thủ Chuẩn mực này và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan đến cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Một chuẩn mực được xác định là có liên quan đến cuộc kiểm toán khi chuẩn mực đó đang có hiệu lực và cuộc kiểm toán có các tình huống đã được quy định và hướng dẫn trong chuẩn mực.

07. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn tại các đoạn 14 - 18 của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200 - Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam trong việc thực hiện các yêu cầu đối với một cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Trách nhiệm đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành

08. Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm đối với:

- (a) Việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án;
- (b) Việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
- (c) Kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- (d) Việc cung cấp cho kiểm toán viên:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả các tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành như hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, chứng từ kế toán, sổ kế toán và các tài liệu khác;
 - (ii) Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán, kể cả các biên bản kiểm tra, thanh tra, kiểm toán Nhà nước (nếu có). Ban Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý, trung thực, chính xác, kịp thời đối với các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của đơn vị được kiểm toán mà kiểm toán viên xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán.

09. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm kiểm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do đơn vị được kiểm toán cung cấp và đưa ra ý kiến của mình về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và về tính trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.